

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HC-PT

Ngày: 14/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm

Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 179/2021/TLPT-HC ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người bị kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1518/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Kim P;

Địa chỉ: Tổ 31, phường B, thành phố L, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Hồng P;

Địa chỉ: SN 070, đường Đ, phường D, thành phố L (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2020). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố L

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đăng K - Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Đức H - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố L (Theo Văn bản ủy quyền số 4924/QĐ-UBND ngày 11/10/2020), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Hồng P. Địa chỉ: Tổ 34, phường D, thành phố L, tỉnh L;
- Bà Trần Thị T. Địa chỉ: Tổ 2B, thị trấn P1, huyện B1, tỉnh L;
- Ông Thân Ngọc G. Địa chỉ: Tổ 3B, thị trấn P1, huyện B1, tỉnh L;
- Ông Đặng Quốc T1. Địa chỉ: Tổ 06, phường P2, thành phố L, tỉnh L;
- Bà Lùng Thị H1. Địa chỉ: Xã G1, huyện B2, tỉnh L;
- Ông Lương Minh H2. Địa chỉ: T2, xã Đ1, huyện V, tỉnh Y;
- Ông Lý Văn P3. Địa chỉ: Tổ 18, phường B, thành phố L, tỉnh L;
- Chị Lùng Thị G. Địa chỉ: Tổ 31, phường B, thành phố L, tỉnh L;
- Chị Lùng Thị N. Địa chỉ: Tổ 31, phường B, thành phố L, tỉnh L;
- Chị Lùng Thị B3. Địa chỉ: Tổ 31, phường B, thành phố L, tỉnh L;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lùng Thị N, chị Lùng Thị B3: Bà Phan Hồng P. Địa chỉ: SN 070, đường Đ, phường D, thành phố L (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2020).

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Trương Vĩnh T3. Địa chỉ: Tổ 31, phường B, thành phố L, tỉnh L (Vắng mặt khỏi địa phương);

- Anh Nguyễn Tiến V1. Địa chỉ: Tổ 31, phường B, thành phố L, tỉnh L (Có đơn từ chối tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện bà Phạm Thị Kim P, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lùng Thị B3, chị Lùng Thị N, bà Phan Hồng P đồng ý kiến trình bày:

- Về hành vi hành chính bị kiện của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L:

Đối với thửa đất ở của chị Lùng Thị N và chị Lùng Thị B3 nhận thừa kế:

Tháng 7/2015, ông Lùng Văn Y làm thủ tục tách thửa đất số 9a thành 02 thửa để tặng cho hai con là Lùng Thị B3 và Lùng Thị N. Tháng 12/2015, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố L đã thực hiện tách thửa số 9a thành hai thửa là thửa số 103 diện tích 99,4m² và thửa số 104 diện tích 99,6m².

Sau khi ông Y chết, ngày 04/3/2016 gia đình bà P lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, tặng cho tài sản tại Phòng công chứng số 1 tỉnh L. Theo văn bản thỏa thuận trên thì chị B3 được quyền thừa kế đối với thửa đất số 103 và chị N được quyền thừa kế đối với thửa đất số 104. Sau đó chị N và chị B3 có ủy quyền cho bà Phan Hồng P nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được thừa kế. Ngày 16/6/2016, Văn phòng Đăng ký đất đai

tỉnh L đã có thông báo trả lại hồ sơ cho hộ gia đình với lý do: Thửa đất thuộc quy hoạch chi tiết tiểu khu đô thị số 10, không đủ điều kiện tách thửa do kích thước và vị trí không phù hợp. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh L trả lại hồ sơ đăng ký biến động đất đai đối với trường hợp được nhận thừa kế của chị N, chị B3 là hành vi hành chính trái pháp luật.

Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị Kim P và bà Phan Hồng P, bà Trần Thị T, bà Lùng Thị H1, ông Thân Ngọc G, ông Lý Văn P3, ông Lương Minh H2, ông Đặng Quốc T1:

Ngày 27/3/2017, bà Phan Hồng P, bà Trần Thị T, bà Lùng Thị H1, ông Thân Ngọc G, ông Lý Văn P3, ông Lương Minh H2, ông Đặng Quốc T1 ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 9b, tờ bản đồ P2-17, diện tích 666,6m² của bà Phạm Thị Kim P. Sau khi ký hợp đồng, bà Phan Hồng P, bà Trần Thị T, bà Lùng Thị H1, ông Thân Ngọc G, ông Lý Văn P3, ông Lương Minh H2, ông Đặng Quốc T1 có nộp hồ sơ đăng ký biến động đất đai tại bộ phận một cửa của UBND thành phố L. Ngày 12/5/2017 nhận được Văn bản số 372/CV-CNVPĐK ngày 10/5/2017 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố L với nội dung vị trí thửa đất trên thuộc dự án Khu đô thị mới, tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới L – C, thửa đất này UBND thành phố L đã có Thông báo thu hồi đất. Theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đề nghị của gia đình, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố L đã thực hiện việc đăng ký chuyển quyền sử dụng đất vào sổ địa chính theo hướng dẫn tại Công văn số 5031/TNMT-TCQLĐĐ ngày 03/11/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố L viện dẫn khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP để không thực hiện thủ tục đăng ký biến động cho bà Phan Hồng P và các đồng sở hữu trên là trái quy định của pháp luật.

- Đối với quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của UBND thành phố L về việc thu hồi đất của hộ bà Phạm Thị Kim P:

Về căn cứ pháp lý để thu hồi đất: Tại Quyết định số 668/QĐ-UBND nêu các căn cứ pháp lý để ban hành quyết định thu hồi đất như Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 13/02/2012; Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 24/02/2020. Tất cả những căn cứ pháp lý thu hồi đất trên không phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2013 vì dự án Tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới L – C là dự án được UBND tỉnh L phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 từ tháng 02/2012, khi đó Luật Đất đai 2013 chưa được ban hành. Theo quy định tại Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003 và Điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP thì dự án Tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới L - C không thuộc các trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai 2013 thì: Diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được công bố phải thu

hồi đất để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất và công bố. Dự án Tiểu khu đô thị số 10 nằm trong danh sách các dự án phải thu hồi đất của Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 được HĐND tỉnh L thông qua tại Nghị quyết số 35/2014/NQ-HĐND ngày 17/12/2014. Vì vậy tháng 4/2020, UBND thành phố L ban hành quyết định thu hồi đất của bà Phạm Thị Kim P để thực hiện dự án là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 49, Điều 63, Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Về nội dung quyết định thu hồi đất: Quyết định số 668/QĐ-UBND ghi: Thu hồi 5.683,5m² đất của hộ ông (bà) Phạm Thị Kim P – Lùng Văn Y (đã chết); địa chỉ: Tổ 31, phường B, thành phố L, cụ thể như sau: Vị trí thu hồi: Thửa số 140 (9a), 138 (9b) là không đúng với thực tế. Vì ông Lùng Văn Y chết vào tháng 01/2016, gia đình bà P đã làm thủ tục phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản được lập tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh L ngày 04/3/2016. Theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản thì người được quyền sử dụng thửa đất số 9a là chị Lùng Thị N, Lùng Thị B3 không phải là của hộ bà Phạm Thị Kim P và ông Lùng Văn Y. Ngoài ra trên sơ đồ thửa đất thu hồi thì thửa đất số 9a chỉ có 70,1m² đất nằm trong ranh giới GPMB Tiểu khu đô thị số 10 nhưng UBND thành phố L lại thu hồi toàn bộ diện tích 200m² của thửa số 9a, còn thửa đất 138 (9b) diện tích 666,6m² bà P đã chuyển nhượng cho 7 người là bà Phan Hồng P; bà Trần Thị T; ông Lý Văn P3; ông Lương Minh H2; ông Đặng Quốc T1; ông Thân Ngọc G; bà Lùng Thị H1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1015 ngày 27/3/2017. Sau đó bà Phan Hồng P đã đại diện cho các đồng sở hữu nộp hồ sơ đăng ký biến động đất đai tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai. Ngày 10/5/2017, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có Văn bản số 372/CV-VPĐK có nội dung: Theo đề nghị của gia đình, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố L đã thực hiện việc đăng ký chuyển quyền sử dụng đất vào sổ địa chính theo Công văn số 5031/TNMT-TCQLĐĐ ngày 03/11/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Như vậy thửa đất số 9a, 9b không thuộc quyền sử dụng của bà Phạm Thị Kim P nhưng tại quyết định thu hồi đất số 668 vẫn ghi thửa đất số 9a, 9b của hộ bà Phạm Thị Kim P và ông Lùng Văn Y (đã chết) là không đúng đối tượng và không đúng diện tích.

- Đối với Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của UBND thành phố L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai thì “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm có quyết định thu hồi đất”. Quyết định thu hồi đất được ban hành vào tháng 4/2020 nhưng Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 667/QĐ-UBND lại căn cứ Quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh L ban hành Quy định giá các loại đất 05 năm (2014-2019) đã hết hiệu lực trong kỳ để

thực hiện bồi thường cho bà P, không phải là giá đất cụ thể tại thời điểm có quyết định thu hồi đất là trái với quy định của pháp luật.

Vì vậy bà P đề nghị Tòa án:

- Tuyên bố hành vi không thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai đối với trường hợp nhận thừa kế của bà Lùng Thị B3, bà Lùng Thị N và trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phan Hồng P, bà Trần Thị T, ông Thân Ngọc G, ông Đặng Quốc T1, bà Lùng Thị H1, ông Lương Minh H2, ông Lý Văn P3 là hành vi hành chính trái pháp luật;

- Buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L phải thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất của bà Lùng Thị N, bà Lùng Thị B3 và trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phan Hồng P, bà Trần Thị T, ông Thân Ngọc G, ông Đặng Quốc T1, bà Lùng Thị H1, ông Lương Minh H2 và ông Lý Văn P3.

- Hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 667/QĐ-UBND cùng ngày 10/4/2020 UBND thành phố L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Khu đô thị mới Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - C, thành phố L, tỉnh L.

Ngày 17/11/2020, người đại diện theo ủy quyền của của người khởi kiện bà Phan Hồng P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hành vi hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi không thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai đối với trường hợp nhận thừa kế của bà Lùng Thị B3, bà Lùng Thị N và trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phan Hồng P, bà Trần Thị T, ông Thân Ngọc G, ông Đặng Quốc T1, bà Lùng Thị H1, ông Lương Minh H2, ông Lý Văn P3 là hành vi hành chính trái pháp luật; Về việc buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L phải thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất của bà Ngọc, bà Bích và trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phan Hồng P, bà Trần Thị T, ông Thân Ngọc G, ông Đặng Quốc T1, bà Lùng Thị H1, ông Lương Minh H2, ông Lý Văn P3. Quá trình giải quyết Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết một phần vụ án hành chính theo Quyết định số 53/2020/QĐST-HC ngày 19/11/2020 với nội dung đương sự đã rút yêu cầu (Quyết định đã có hiệu lực).

Quan điểm của đại diện người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh L trình bày:

- Về hồ sơ pháp lý thu hồi đất để thực hiện dự án: Luật Đất đai số: 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số: 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số: 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh L về việc ban hành quy định về bảng giá đất 05 năm (2014-2019) trên địa bàn tỉnh L 2014; Quyết định số: 13/2015/QĐ-UBND ngày 09/4/2015 của UBND tỉnh L ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh L; Quyết định số:

17/2015/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của UBND tỉnh L ban hành quy định áp dụng đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh L; Quyết định số: 19/2015/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của UBND tỉnh L ban hành Quy định áp dụng đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh L; Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 13/02/2012 của UBND tỉnh L về việc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới L - C; Quyết định số 4461/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh L liên quan đến Khu đô thị mới tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - C, thành phố L, tỉnh L; Nghị Quyết số 35/2014/NQ-HĐND ngày 17/12/2014 của HĐND tỉnh L; Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh L về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thành phố L, tỉnh L; Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất về bồi thường giá đất để giao đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất các dự án trên địa bàn thành phố L.

- Về nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định 667/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành cùng ngày 10/4/2020 của UBND thành phố L:

Trên cơ sở hồ sơ pháp lý nêu trên, ngày 13/4/2012, UBND thành phố công bố Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - C, phường B, thành phố L.

Ngày 08/6/2015, UBND thành phố công bố triển khai thực hiện công tác GPMB công trình Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - C, phường B, thành phố L.

Sau khi công bố quy hoạch và triển khai thực hiện dự án các đơn vị thực hiện công tác GPMB thông báo cho nhân dân di chuyển GPMB trong khu vực nộp các hồ sơ về đất đai có liên quan để UBND thành phố thông báo đất đến các hộ dân.

Căn cứ Quyết định 1602/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của thành phố L năm 2017.

Ngày 01/3/2017, UBND thành phố ban hành Thông báo số 165/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất cho hộ ông Nông Văn Ý.

Ngày 02/3/2017 tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng bàn giao Thông báo thu hồi đất cho nhân dân (*có Biên bản bàn giao thông báo số 165/TB-UBND ngày 01/3/2017*); Tại Biên bản kiểm tra số lượng đất đai tài sản hoa màu ngày 03/3/2017 bà Phạm Thị Kim P đã ký; Bản tự khai quyền sử dụng đất đai và tài sản trên đất bị thu hồi cho dự án, bà Phạm Thị Kim P đã ký xác nhận và nhất trí với số liệu đo đạc, thống kê vật kiến trúc, cây cối hoa màu của Tổ công tác; Thông báo điều chỉnh thu hồi đất số 536/TB-UBND ngày 05/5/2017 để thực hiện

dự án Khu đô thị mới, tiểu khu đô thị số 10 L - C; Biên bản làm việc ngày 06/5/2017 niêm yết Thông báo số 536/TB-UBND ngày 05/5/2017.

Ngày 28/12/2017, UBND thành phố ban hành Thông báo số 1467/TB-UBND điều chỉnh thu hồi đất của hộ bà Phạm Thị Kim P - ông Lùng Văn Y (đã chết); Biên bản làm việc ngày 28/12/2017 niêm yết thông báo số 1467/TB-UBND; Biên bản bàn giao thông báo thu hồi đất ngày 02/01/2018; Biên bản kiểm tra số lượng đất đai, tài sản, hoa màu ngày 25/4/2018.

Ngày 23/01/2018, Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư tổ chức xét duyệt giao đất cho hộ bà Phạm Thị Kim P, kết quả: Bồi thường 100% về đất, tài sản vật kiến trúc cây cối hoa màu trên đất; không bồi thường tài sản bị lập biên bản.

Ngày 10/4/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới L - C và Quyết định 667/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới L - C mang tên hộ bà Phạm Thị Kim P - ông Lùng Văn Y (đã chết).

Ngày 13/4/2020, Tổ chức làm nhiệm vụ GPMB bàn giao 02 Quyết định số 668/QĐ-UBND và Quyết định số 667/QĐ-UBND cho hộ gia đình bà Phạm Thị Kim P; Ngày 16/4/2020, Tổ chức làm nhiệm vụ GPMB có Giấy mời số 89/GM-PTQĐ mời hộ gia đình bà Phạm Thị Kim P nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư; Ngày 22/5/2020, Tổ chức làm nhiệm vụ GPMB có Giấy mời số 137/GM-PTQĐ mời hộ gia đình bà Phạm Thị Kim P nhận đất tái định cư; Ngày 26/5/2020, Tổ chức làm nhiệm vụ GPMB có Giấy mời số 141/GM-PTQĐ mời hộ gia đình bà Phạm Thị Kim P nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư nhưng hộ gia đình bà P đến nay không nhận (Có biên bản ngày 26/5/2020 kèm theo).

Ngày 02/6/2020, UBND thành phố đã trả lời nội dung đề nghị của bà Phạm Thị Kim P tại Công văn số 220/UBND-PTQĐ (Biên bản bàn giao ngày 02/6/2020); Ngày 25/6/2020, UBND thành phố họp ấn định vị trí tái định cư cho bà Phạm Thị Kim P và con bà là Lùng Thị N; Ngày 23/7/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1264/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ bà Phạm Thị Kim P; cùng ngày UBND thành phố ban hành Quyết định số 1262/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ bà Lùng Thị G và ban hành Quyết định số 1263/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ bà Lùng Thị N; Biên bản bàn giao Quyết định cùng ngày 23/7/2020. Gia đình có mặt nhưng không ký nhận Quyết định giao đất. Ngày 31/8/2020, Tổ chức làm nhiệm vụ GPMB có Giấy mời số 268/GM-PTQĐ mời hộ gia đình bà P nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư nhưng hộ gia đình bà P không đến dự, không có lý do (Biên bản ngày 01/9/2020).

Từ các nội dung trên, UBND thành phố L khẳng định việc UBND thành phố thực hiện thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư cho hộ gia đình bà Phạm Thị Kim P đã đảm bảo theo đúng trình tự và quy định pháp luật. Việc hộ bà Phạm Thị Kim P yêu cầu hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND về thu hồi đất

và Quyết định 667/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Tiểu khu đô thị số 10, đô thị mới L - C mang tên hộ bà Phạm Thị Kim P - ông Lùng Văn Y (đã chết) là không có căn cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Trần Thị T, ông Thân Ngọc G; ông Đặng Quốc T1, bà Lùng Thị H1, ông Lương Minh H2, ông Lý Văn P3, chị Lùng Thị G, anh Nguyễn Tiến V1 đều có đơn từ chối tham gia tố tụng do đã rút.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 và khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, 63 và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim P về việc đề nghị Tòa án xử:

- Hủy Quyết định số 668/QĐ - UBND ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố L về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị mới Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - C, thành phố L, tỉnh L.

- Hủy Quyết định số 667/QĐ - UBND ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu đô thị mới Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - C, thành phố L, tỉnh L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/3/2021, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh L có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản thể hiện quan điểm giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện và những người có quyền lợi liên quan đứng về phía người khởi kiện có đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm và xin được xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có ý kiến: Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Chấp nhận một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố L. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Kim P về đề nghị hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố L về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị mới Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - C, thành phố L, tỉnh L.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Kim P: Hủy Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu đô thị mới Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - C, thành phố L, tỉnh L.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện, kháng cáo:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 668/QĐ-UBND của UBND thành phố L về việc thu hồi đất và Quyết định số 667/QĐ-UBND của UBND thành phố L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu đô thị mới Tiểu khu đô thị số 10, Khu đô thị mới L - C, thành phố L, tỉnh L là các quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh L theo quy định tại Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 668/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 667/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu đô thị mới Tiểu khu đô thị số 10 của UBND thành phố L được ban hành cùng ngày 10/4/2020. Ngày 19/8/2020 bà Phạm Thị Kim P khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính là trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện, người bị kiện và những người có quyền lợi liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về thẩm quyền và thủ tục ban hành Quyết định số 668/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng và Quyết định số 667/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư ngày 10/4/2020 của UBND thành phố L, tỉnh L đối với hộ bà Phạm Thị Kim P là đúng quy định theo khoản 2 Điều 66, khoản 3 Điều 49 và khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành và nội dung Quyết định 668/QĐ-UBND:

Dự án Tiểu khu đô thị số 10 được UBND tỉnh L phê duyệt vào kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của thành phố L. Tuy nhiên do Nhà nước chưa thực hiện

được công tác thu hồi đất và giải phóng mặt bằng của dự án trong năm 2015 nên UBND tỉnh L đã tiếp tục điều chỉnh đưa dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2016-2019 và kế hoạch sử dụng đất 2020 của thành phố để ban hành Quyết định 668/QĐ/UBND là phù hợp với khoản 3 Điều 49 và khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Tuy nhiên từ tháng 12/2015 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố L đã làm thủ tục tách thửa đất trên thành 02 thửa, thửa 103 diện tích 99,4m² và thửa số 104 diện tích 99,6m². Ngày 08/01/2016, ông Y chết, ngày 04/3/2016 hộ gia đình bà P lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh L, chị N và chị B3 đã có căn cứ đề nghị đăng ký quyền sử dụng đất (đề nghị tách thửa từ tháng 07/2015, trước thời điểm thông báo thu hồi đất ngày 01/3/2017 giao cho hộ ông Y). Việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố L không thực hiện việc đăng ký đất đai cho người sử dụng đất là chưa phù hợp với khoản 2 Điều 49 Luật Đất đai về các quyền của người sử dụng đất do thừa kế, tặng cho theo quy định của pháp luật.

Người khởi kiện cho rằng, Quyết định thu hồi đất số 668/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 thu hồi thửa đất số 140 (9a), 138 (9b), tờ bản đồ P2-17 cho hộ bà Phạm Thị Kim P - Lùng Văn Y (đã chết) là không đúng với thực tế, sai đối tượng sử dụng đất tại thửa số 140 (9a).

Thửa số 138 (9b) được thừa kế lại cho bà P, bà P đã chuyển nhượng cho 07 người gồm: ông Đặng Quốc T1, bà Lùng Thị H1, ông Lương Minh H2, ông Lý Văn P3, ông Thân Ngọc G, bà Phan Hồng P, bà Trần Thị T không đăng ký biến động và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng.

Xét thấy: Đối với thửa đất số 140 (9a), tờ bản đồ P2-17 đã được UBND thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 591516, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: 1219 ngày 09/10/2008 cấp cho hộ ông Lùng Văn Y và bà Phạm Thị T4 (P). Sau khi ông Y chết, quyền về tài sản của ông Y trở thành di sản thừa kế. Những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Y đã có Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản. Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 thu hồi thửa đất số 140 (9a) tờ bản đồ P2-17 của hộ bà Phạm Thị Kim P – ông Lùng Văn Y (đã chết) là không đúng đối tượng sử dụng đất.

Đối với thửa đất số 138 (9b) tờ bản đồ P2-17, diện tích: 666.6m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 135126, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS 02683 ngày 28/4/2016 cấp cho bà Phạm Thị Kim P. Ngày 27/3/2017, bà P thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho 07 người (như nêu trên) sau khi nhận chuyển nhượng đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố L. Ngày 10/5/2017, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đã có văn bản số 372/CN-VPĐK trả lời là thửa đất 9b trên đã có thông báo thu hồi đất nên không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa cho bà Phan Hồng P, bà T, ông G, ông T1, bà H1, ông H2 và ông Lý Văn P3. Quá trình

khởi kiện tại Tòa án, người đại diện của những người này đã rút yêu cầu và điều từ chối tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ và không giải quyết đối với các yêu cầu đã rút của người khởi kiện là phù hợp.

[2.3]. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 667/QĐ-UBND: Theo Quyết định số 667/QĐ-UBND 10/4/2020 của UBND thành phố L thì hộ gia đình bà P được bồi thường tổng giá trị là 1.443.170.040đ, trong đó: Giá trị bồi thường 100% về đất là 374.765.000đ, giá trị bồi thường về tài sản, vật kiến trúc là 519.016.640 đồng về cây cối, hoa màu là 154.293.400đ, các chính sách hỗ trợ 395.095.000đồng, giao 01 suất tái định cư, ngoài ra không còn khoản gì khác.

Người khởi kiện đến nay vẫn không nhận bồi thường, cho rằng Quyết định thu hồi đất của UBND thành phố L được ban hành vào tháng 4/2020 nhưng lại áp giá bồi thường cho gia đình bà không phải là giá đất cụ thể tại thời điểm có quyết định thu hồi đất mà theo bảng giá đất 05 năm (2014-2019) theo Quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh L đã hết hiệu lực là trái với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Đất đai 2013: Nguyên tắc bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất: “...Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Theo điều luật trên thì giá đất để bồi thường bằng tiền tại thời điểm thu hồi đến ngày 10/4/2020 phải là giá đất định kỳ của 5 năm 2020 – 2024 vì ngày 31/12/ 2019 UBND tỉnh L đã ban hành quyết định số: 56/2019/QĐ-UBND quy định bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 -2024) quyết định có hiệu lực từ ngày 01/01/2020. Như vậy, đồng nghĩa với việc định kỳ giá theo Quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của tỉnh cũng đã hết hiệu lực. Nhưng UBND thành phố L vẫn áp dụng giá theo Quyết định số 91/2014/QĐ-UBND đã hết hiệu lực để bồi thường là chưa phù hợp với giá đất mà UBND tỉnh L xây dựng và không đúng quy định tại khoản 1 Điều 114 và điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền xây dựng, áp dụng giá đất: “....Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua bảng giá đất trước khi ban hành. Bảng giá đất được xây dựng định kỳ 05 năm một lần và công bố công khai vào ngày 01/01 của năm đầu kỳ ...”. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/01/2020 UBND thành phố L cung cấp (02 văn bản) gồm: 01 văn bản là Công văn số: 2963/STNMT-CCĐ ngày 18/11/2020 về việc xin ý kiến UBND tỉnh cho áp giá cũ theo Quyết định 91/2014/QĐ-UBND để bồi thường tái định cư đối với dự án tái định cư số 2 xã V3, tại văn bản này thừa nhận định kỳ giá cũ 2014-2019 theo Quyết định 91/2014/QĐUB đã hết hiệu lực áp dụng và 01 công văn là văn bản trả lời số 5457/UBND-TNMT ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh do Phó Chủ tịch ký. Các văn bản này tuy không đúng trình tự và thẩm quyền khi xây dựng định kỳ về giá

đất của kỳ tiếp theo khi thu hồi đất và bồi thường song nội dung văn bản trả lời, UBND tỉnh cũng đã nêu rõ “1.... Cho phép UBND thành phố tiếp tục áp giá cụ thể đã được UBND tỉnh phê duyệt tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 1 Quyết định 2672/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 để bồi thường và giao đất tái định cư đối với dự án mở rộng khu tái định cư số 2 xã V3 và dự án dọc các tuyến đường xã V3”. Như vậy, UBND tỉnh L cho áp giá tại văn bản chỉ đạo này là giá bồi thường cho đất bị thu hồi và tái định cư tại “*Dự án mở rộng khu tái định cư số 2, xã V3 và hoàn thiện cơ sở hạ tầng dọc tuyến đường xã V3*” chứ không có chỉ đạo áp dụng cho dự án tại khu đô thị mới tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới L - C, thành phố L, tỉnh L (đặc biệt là tổ 31 phường B chưa có mặt bằng và hoàn thiện) là chưa đúng.

Mặt khác Văn bản số 2963/TNMT và số 5457/UBND-TNMT đều ban hành sau ngày có quyết định thu hồi đất. Quyết định 667 ngày 10/4/2020 không thấy căn cứ vào Quyết định 2672/QĐ-UBND ngày 28/9/2019 như công văn chỉ đạo, các tài liệu trong hồ sơ thấy rằng sự áp giá và hệ số K, số tiền đều đã được phê duyệt từ năm 2018, các thông báo nhận tiền bồi thường gửi cho bà P đã được tính song theo Quyết định 91/2014/UB thể hiện tại các bút lục: 273, 274, 281, 310, 311 cũng chưa được điều chỉnh theo hệ số của giá định kỳ mới. (*Toàn bộ đất của bà P đều thể hiện thuộc tổ 31 của phường B chứ không phải xã V3*) theo Quyết định 91/2014/QĐ-UBND tại xã V3 là $\pm 1.700.000\text{đ}/\text{m}^2$; giá mới theo Quyết định 56/2020/QĐ-UBND Phường B L - C đất ở thì giá là $11.000.000\text{đ}/\text{m}^2$.

Tại đơn kháng cáo UBND thành phố L lại cho rằng Ủy ban thành phố đã căn cứ Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 để áp giá bồi thường về đất cho bà Phạm Thị Kim P là đúng quy định của pháp luật vì quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký nhưng không ghi thời gian hết hiệu lực. Do vậy đến nay quyết định số 864/QĐ – UBND vẫn còn hiệu lực và chưa có quyết định thay thế. Hội đồng xét xử thấy: Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh L là quyết định phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường và giá đất để giao đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, theo đó Phê duyệt điều chỉnh giá đất (K) so với giá đất quy định tại Quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh L. Mặc dù Quyết định số 864/QĐ-UBND không ghi thời gian hết hiệu lực, tuy nhiên đây là quyết định điều chỉnh giá đất (K) so với giá đất quy định tại Quyết định số 91/2014/QĐ-UBND mà giá đất quy định tại Quyết định số 91/2014/QĐ-UBND có định kỳ 05 năm từ 2014 đến hết năm 2019. Ngày 31/12/2019, UBND tỉnh L đã ban hành Quyết định số 56/2019/QĐ-UBND quy định bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) và quyết định có hiệu lực từ ngày 01/01/2020.

Từ đó thấy việc UBND thành phố L không áp giá bồi thường cụ thể tại thời điểm khi có quyết định thu hồi đất theo giá đất trong kỳ năm 2020-2024 tại tổ 31 phường B, thành phố L cho hộ bà P là không đúng quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà

P (được nêu tại mục 13 về giải đáp nghiệp vụ số 02/2016 ngày 19/9/2016 của TANDTC). Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyết định số 667/QĐ-UBND 10/4/2020 được ban hành là chưa đúng về trình tự và nội dung khi quyết định thu hồi và áp giá bồi thường về đất khi tái định cư để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim P, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo về phần này của người bị kiện là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh L.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh L; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001619 ngày 19/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh L.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

***Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà